

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 ngày 6 tháng 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 ngày 8 tháng 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 ngày 10 tháng 2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10 ngày 5 tháng 2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1421/TTr-SGTVT ngày 24/5/2024 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải (có Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/6/2024.

Bãi bỏ các nội dung công bố đối với 06 thủ tục hành chính đã được Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định công bố tại Quyết định số 305/QĐ-UBND ngày

02/02/2024, gồm: Thủ tục Cấp mới Giấy phép lái xe; thủ tục Cấp lại Giấy phép lái xe; thủ tục Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp; thủ tục Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp; thủ tục Đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp; thủ tục Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp.

Bãi bỏ các nội dung công bố đối với 09 thủ tục hành chính đã được Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định công bố tại Quyết định số 1709/QĐ-UBND ngày 15/8/2019, gồm: Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu; thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn, thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng, thủ tục Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng, thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất; thủ tục Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố, thủ tục Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến; thủ tục Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng.

Bãi bỏ các nội dung công bố đối với 02 thủ tục hành chính đã được Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định công bố kèm theo Quyết định số 2510/QĐ-UBND ngày 05/11/2018, gồm: Thủ tục Đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng; thủ tục Cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Công TTĐT tỉnh; Trang TTĐT VPUBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP11

**CHỦ TỊCH**



**Phạm Đình Nghị**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ**  
**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**  
*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2024*  
*của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định)*

**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trường hợp cơ sở đào tạo đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa lại tên TTHC từ: “Đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng”.</li> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> <li>- Yêu cầu điều kiện;</li> <li>- Mẫu đơn, tờ khai.</li> </ul>	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/5/2011 của Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 06/2011/TT-BGTVT ngày 07/3/2011 của Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/5/2011 liên tịch giữa Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải.</li> </ul>
2	Cấp mới Giấy phép lái xe	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu đơn, tờ khai;</li> <li>- Phí, lệ phí.</li> </ul>	10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch	Các cơ sở đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí sát hạch lái xe: + Đối với thi sát hạch lái xe các hạng xe A1, A2, A3, A4: Sát hạch lý thuyết: 60.000 đồng/lần, Sát hạch thực hành: 60.000 đồng/lần;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 Bộ Giao thông vận tải;</li> <li>- Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					+ Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): Sát hạch lý thuyết: 100.000 đồng/ lần, Sát hạch thực hành trong hình: 350.000 đồng/ lần, Sát hạch thực hành trên đường giao thông: 80.000 đồng/ lần, Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông: 100.000 đồng/lần. - Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần.	Giao thông vận tải; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ Tài chính.
3	Cấp lại Giấy phép lái xe	- Mẫu đơn, tờ khai; - Phí, lệ phí.	- Đối với GPLX còn thời hạn sử dụng, quá hạn sử dụng dưới 03 tháng: 05 ngày làm việc, kể từ ngày được xét	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	- Phí sát hạch lái xe: Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): Sát hạch lý thuyết: 100.000 đồng/lần, Sát hạch thực hành trong hình: 350.000	- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			cấp lại giấy phép lái xe; - Đối với GPLX quá hạn sử dụng từ 03 tháng trở lên: 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch		đồng/ lần, Sát hạch thực hành trên đường giao thông: 80.000 đồng/lần. - Lệ phí cấp giấy phép lái xe: 135.000 đồng/lần.	Giao thông vận tải; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ Tài chính.
4	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	- Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Mẫu đơn, tờ khai; - Phí, lệ phí.	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Đổi với nộp trực tiếp: 135.000 đồng/lần; Đổi với nộp trực tuyến: 115.000 đồng/ lần.	- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 Bộ Tài chính.
5	Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp	- Thành phần hồ sơ; - Mẫu đơn, tờ khai.	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT	135.000 đồng/lần	- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 01/2021/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				và HTDN tỉnh		BGTVT ngày 27/01/2021 Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ Tài chính.
6	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp	- Thành phần hồ sơ; - Mẫu đơn, tờ khai.	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	135.000 đồng/lần	- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ Tài chính.
7	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp	- Thành phần hồ sơ; - Mẫu đơn, tờ khai.	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	135.000 đồng/lần	- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ Tài chính.
8	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước	- Thành phần hồ sơ; - Mẫu đơn, tờ khai.	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT	135.000 đồng/lần	- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 38/2019/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	ngoài lái xe vào Việt Nam			và HTDN tỉnh		BGTVT ngày 08/10/2019 Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ Tài chính.
9	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu	- Yêu cầu, điều kiện; - Mẫu đơn, tờ khai; - Căn cứ pháp lý.	03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	200.000 đồng/lần/ phương tiện	- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ Tài chính.
10	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn	- Yêu cầu, điều kiện; - Mẫu đơn, tờ khai.	03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	200.000 đồng/lần/ phương tiện	- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải;

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký			- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ Tài chính.
11	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng	- Yêu cầu, điều kiện; - Mẫu đơn, tờ khai.	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	70.000 đồng/lần/ phương tiện.	- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ Tài chính.
12	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	- Yêu cầu, điều kiện; - Mẫu đơn, tờ khai.	03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	- Lệ phí đổi giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/ lần/ phương tiện; - Lệ phí đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/ lần/ phương tiện; - Lệ phí đóng lại số khung, số máy:	- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ Tài chính.



TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			đăng ký		50.000 đồng/ lần/ phương tiện.	
13	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất	- Yêu cầu, điều kiện; - Mẫu đơn, tờ khai.	03 ngày làm việc sau khi hết thời gian đăng tải và không có thông tin tranh chấp	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	- Lệ phí đổi giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/ lần/ phương tiện; - Lệ phí đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/ lần/ phương tiện;	- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ Tài chính.
14	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố	- Yêu cầu, điều kiện; - Mẫu đơn, tờ khai.	03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Lệ phí không kèm theo biển số: 50.000 đồng /lần/ phương tiện	- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ Tài chính.
15	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	- Yêu cầu, điều kiện; - Mẫu đơn, tờ khai.	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải.
16	Đăng ký xe máy	- Yêu cầu, điều kiện;	03 ngày làm	Trung tâm	200.000 đồng/ lần/	- Thông tư số 22/2019/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến	- Mẫu đơn, tờ khai.	việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký	Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	phương tiện	BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ Tài chính.
17	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	- Yêu cầu, điều kiện; - Mẫu đơn, tờ khai.	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải.

## II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

TT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng	Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái.